

Số: 2486/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 17 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ  
tại trường Đại học Vinh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 11/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Hướng dẫn xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. (có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh nhằm phục vụ công tác tổ chức đào tạo, tư vấn tuyển sinh, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các khoa, viện đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐT.



**BẢN MÔ TẢ**

**Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ**

**Ngành: Giáo dục mầm non**

*(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

**I. Thông tin chung**

1. Tên ngành:

Tên tiếng Việt: Giáo dục mầm non

Tên tiếng Anh: Preschool Education

2. Mã số ngành đào tạo: 7140201

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân Giáo dục mầm non

Tên tiếng Anh: Bachelor of Preschool Education

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Giáo dục mầm non

7. Chương trình đối sánh: ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, ĐHSP Huế, ĐHSP Thái Nguyên

8. Hình thức đào tạo: Chính quy - Tập trung

9. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

10. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

- Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 200 sinh viên/năm.

11. Điều kiện nhập học

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Giáo dục mầm non

- Đảm bảo đủ sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo.

12. Điều kiện tốt nghiệp

*(Trích Điều 27, Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp).*

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học;

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ 126 tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên *(theo thang điểm 4)*;

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương (*Riêng ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh yêu cầu đạt trình độ tiếng Anh bậc 5 và tiếng Pháp bậc 3*);

- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định;

- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất.

13. Ngày tháng ban hành: 10/9/2021

14. Phiên bản chỉnh sửa: Lần 1

## **II. Mục tiêu chương trình đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Chương trình cử nhân giáo dục mầm non đào tạo sinh viên tốt nghiệp trở thành nhà giáo dục trong lĩnh vực giáo dục mầm non có phẩm chất chính trị, đạo đức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; có kiến thức nền tảng, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động về giáo dục mầm non trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

*Mục tiêu 1:* Có hiểu biết cơ bản về chính trị, pháp luật Việt Nam; có kiến thức nền tảng cốt lõi về khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về giáo dục mầm non.

*Mục tiêu 2:* Có trách nhiệm công dân, đạo đức và phẩm chất nhà giáo; có năng lực tư duy, lập luận và giải quyết vấn đề; có năng lực đánh giá trẻ mầm non trong những bối cảnh giáo dục khác nhau; có năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, năng lực sử dụng công nghệ trong giáo dục mầm non và phát triển nghề nghiệp nhằm thích ứng với sự thay đổi của môi trường giáo dục mầm non.

*Mục tiêu 3:* Có năng lực giao tiếp và hợp tác hiệu quả với các cá nhân và tổ chức xã hội trong các hoạt động về giáo dục mầm non để phát triển nghề nghiệp.

*Mục tiêu 4:* Có năng lực hình thành ý tưởng – thiết kế – thực hiện – đánh giá các hoạt động về giáo dục mầm non trong những bối cảnh khác nhau của nhà trường mầm non và xã hội với tư cách là nhà giáo dục trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

## **III. Chuẩn đầu ra cấp độ 3**

<b>TT</b>	<b>CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	<b>Mức độ NL</b>
<b>Phần 1</b>	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SƯ PHẠM NGÀNH GDMN</b>	
<b>CDR 1.1.</b>	<i>Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, thể chất và an ninh quốc phòng vào các hoạt động nghề nghiệp và phát triển bản thân</i>	
1.1.1.	Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị và pháp luật vào các	K3

	hoạt động nghề nghiệp và phát triển bản thân	
1.1.2.	Áp dụng được kiến thức cơ bản về thể chất và an ninh-quốc phòng vào các hoạt động nghề nghiệp và phát triển bản thân	K3
<b>CDR 1.2.</b>	<b><i>Áp dụng kiến thức nền tảng, cốt lõi về khoa học giáo dục; khoa học tự nhiên và xã hội, công nghệ giáo dục vào hoạt động nghề nghiệp</i></b>	
1.2.1.	Áp dụng được kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tâm lý học, giáo dục học vào các hoạt động về giáo dục mầm non	K4
1.2.2.	Áp dụng được kiến thức nền tảng của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào các hoạt động về giáo dục mầm non	K4
1.2.3	Áp dụng được kiến thức về công nghệ giáo dục vào các hoạt động về giáo dục mầm non	K4
<b>CDR 1.3.</b>	<b><i>Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ.</i></b>	
1.3.1.	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành về vệ sinh, bệnh học và dinh dưỡng vào hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non	K4
1.3.2	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành về tổ chức hoạt động giáo dục để phát triển toàn diện cho trẻ mầm non ở các lĩnh vực thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội	K4
1.3.3	Vận dụng được những thành tựu mới của khoa học giáo dục mầm non vào các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ.	K4
<b>Phần 2</b>	<b>NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>CDR 2.1</b>	<b><i>Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo dục</i></b>	
2.1.1	Thể hiện phẩm chất chính trị, trách nhiệm công dân và đạo đức nhà giáo	A4
2.1.2	Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có phong cách chuẩn mực của một nhà giáo dục.	A4
<b>CDR 2.2</b>	<b><i>Thể hiện được năng lực cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để hoạt động hiệu quả trong môi trường giáo dục mầm non</i></b>	
2.2.1	Thể hiện năng lực tư duy và lập luận sư phạm, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp	S4

	giáo dục mầm non	
2.2.2	Thể hiện kỹ năng tự học, khả năng quản lý thời gian và nguồn lực vào trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục mầm non	S4
2.2.3	Sử dụng được các công nghệ thông tin truyền thông tiên tiến (ICT) vào các hoạt động nghề nghiệp giáo dục mầm non	S4
2.2.4	Thể hiện được kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc- giáo dục và đánh giá trẻ theo quan điểm giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm”	S4
<b>Phần 3</b>	<b>NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC</b>	
<b>CDR 3.1</b>	<b><i>Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng trong hoạt động nghề nghiệp</i></b>	
3.1.1	Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong các hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	S4
3.1.2	Lãnh đạo và phát triển được các nhóm công việc trong các hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	S4
<b>CDR 3.2</b>	<b><i>Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ</i></b>	
3.2.1	Sử dụng thành thạo các hình thức giao tiếp bằng văn bản, lời nói, giao tiếp điện tử và đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	S4
3.2.2	Sử dụng được tiếng anh hoặc ngoại ngữ khác trong các hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	S4
<b>Phần 4</b>	<b>NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>CDR 4.1</b>	<b><i>Xác định mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và các yếu tố bên ngoài đối với giáo dục mầm non trong hoạt động nghề nghiệp</i></b>	
4.1.1.	Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục mầm non; những quy định của xã hội đối với giáo dục mầm non; Phân tích được tác động của giáo dục mầm non đến xã hội; xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục mầm non	C5
4.1.2.	Xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch giáo dục trong	C5

	hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	
<b>CDR</b> <b>4.2</b>	<b><i>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động; xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp về giáo dục mầm non</i></b>	
4.2.1.	Hình thành được ý tưởng trong thực tiễn chăm sóc- giáo dục trẻ ở hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	C5
4.2.2.	Thiết kế được các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ ở hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	C5
4.2.3.	Thực hiện, đánh giá được các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ ở hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	C5
4.2.4.	Phát triển được chương trình, kế hoạch trong công tác chăm sóc- giáo dục trẻ ở hoạt động nghề nghiệp về giáo dục mầm non	C5

#### **IV. Nội dung chương trình đào tạo**

**4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy:** 126 tín chỉ, trong đó:

**4.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 45 tín chỉ**

**4.1.1.1. Kiến thức đại cương chung toàn trường : 21 tín chỉ**

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Triết học Mác-Lênin	3
2	Nhập môn ngành sư phạm	3
3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
4	Tiếng Anh 1	3
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
8	Tiếng Anh 2	4
	Giáo dục Quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)	(3)
	Giáo dục Quốc phòng 2 (Công tác QPAN)	(2)
	Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung và chiến thuật; KT bắn súng....)	(3)
	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	(2)
	Giáo dục thể chất	(5)
	<b>Tổng</b>	<b>21</b>

*4.1.1.2. Kiến thức chung khối ngành: 24 tín chỉ*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
9	Tâm lý học	3
10	ICT trong giáo dục	4
11	Giáo dục học	4
12	Đánh giá trong giáo dục	2
13	Phát triển chương trình giáo dục	3
14	Quản lý cơ sở giáo dục	2
15	Tự chọn 1	3
16	Tự chọn 2	3
	<b>Tổng</b>	<b>24</b>

*4.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành: 81 tín chỉ*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
17	Giải phẫu sinh lý trẻ em	3
18	Toán cơ sở	3
19	Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ mầm non	2
20	Tâm lý học giáo dục mầm non	4
21	Giáo dục học mầm non	3
22	Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ mầm non	4
23	Dinh dưỡng học trẻ em	4
24	Âm nhạc	3
25	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	2
26	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	2
27	Nghệ thuật tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ	5
28	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	4
29	Văn học và phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	5
30	Môi trường và tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	5
31	Tiếng Việt và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	5
32	Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	4
33	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	4
34	Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	4
35	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	3
36	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2
37	Tự chọn 3	2
38	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8
	<b>Tổng</b>	<b>81</b>



#### 4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

T T	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (1)/Thực hành, thực tập(2)/Thảo luận, Bài tập (3)/Đồ án học phần (4)/Thực tập TN (5)/Đồ án TN (6)						Phân kỳ
				1	2	3	4	5	6	
		<b>KIẾN THỨC BẮT BUỘC</b>								
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	3				45			1
2	BIO31003	Giải phẫu sinh lý trẻ em	3	15	15	15				1
3	EDU21003	Tâm lý học	3	30		15				1
4	EDU20008	Toán cơ sở	3	15		30				1
5	PRE30019	Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15		15				1
6	POL11001	Triết học Mác - Lênin	3	30		15				1
7	EDU20006	Giáo dục học	4	45		15				2
8	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20		10				2
9	EDU21007	Tâm lý học giáo dục mầm non	4	30		30				2
10	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30		15				2
11	EDU31057	Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ mầm non	4				60			2
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	(2)	30						(1-3)
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	(2)	30						(1-3)
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	(2)	15	15					(1-3)
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	(2)	4	26					(1-3)
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60					(1-3)
12	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		10				3
13	EDU31012	Dinh dưỡng học trẻ em	4	15	15	30				3
14	EDU31013	Giáo dục học mầm non	3	15		30				3



15	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45		15			3
16		<b>Tự chọn 1</b>	3						3
17	EDU31001	Âm nhạc	3	15	15	15			4
18	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		10			4
19	EDU30055	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	2		30				4
20	EDU30081	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	2	15	15				4
21		<b>Tự chọn 2</b>	3						4
22	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4				60		4
23	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục	2	15		15			5
24	EDU31002	Nghệ thuật tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ	5	30	15	30			5
25	EDU31050	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	4	15	15	30			5
26	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		10			5
27	EDU31047	Văn học và tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	5				75		5
28	EDU31042	Môi trường và tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	5	30	15	30			6
29	EDU31041	Tiếng Việt và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	5	30	15	30			6
30	EDU30089	Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	4	15	15	30			6
31	EDU31051	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	4				60		6
32	EDU30091	Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	4				60		7
33	EDU31021	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	3	15	30				7

34	EDU31068	Phát triển chương trình giáo dục	3	15		30				7
35	EDU31052	Quản lý cơ sở giáo dục	2	15		15				7
36	EDU30077	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2		30					7
37		<b>Tự chọn 3</b>	2							7
38	EDU31087	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8					60	60	8
		<b>Tổng</b>	<b>126</b>							

**Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 5 học phần)**

1	EDU20014	Đại cương văn học Việt Nam	3	15		30				3
2	EDU20017	Giáo dục hoà nhập cho trẻ mầm non	3	15		30				3
3	EDU20011	Giao tiếp sư phạm	3	15		30				3
4	EDU31082	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	3	15		30				3
5	EDU20020	Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	3	15		30				3

**Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)**

1	EDU20018	Lịch sử và Địa lý địa phương	3	15		30				4
2	EDU20022	Phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến	3	15		30				4
3	EDU31045	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	3	15		30				4
4	EDU30084	Xã hội hóa giáo dục	3	15		30				4
5	EDU20021	Xây dựng môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật	3	15		30				4

**Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 5 học phần)**

1	EDU30090	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	2	15		15				7
2	EDU30092	Kiểm định chất lượng trong giáo dục mầm non	2	15		15				7
3	EDU30065	Lập kế hoạch trong giáo	2	15		15				7

		đục mầm non							
4	EDU30079	Tham vấn trong giáo dục mầm non	2	15		15			7
5	EDU31028	Ứng dụng phương tiện dạy học hiện đại trong giáo dục mầm non	2	15		15			7

### 4.3. Mô tả học phần

#### 4.3.1. Nhập môn ngành sư phạm

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* là học phần đầu tiên của Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non. Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về ngành nghề Sư phạm và ngành học Giáo dục mầm non, bước đầu hình thành cho người học một số kỹ năng nghề nghiệp cần thiết; nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở thành giáo viên đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

#### 4.3.2. Giải phẫu sinh lý trẻ em

Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, môn học Giải phẫu sinh lý trẻ em là học phần kiến thức cơ sở ngành, với vai trò cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về cấu tạo, chức năng sinh lý, quy luật hoạt động và quy luật phát triển của cơ thể trẻ em. Trên cơ sở đó, đưa ra các biện pháp chăm sóc và phát triển trẻ một cách hợp lý, khoa học. Đồng thời, kiến thức trong học phần này sẽ làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận các học phần khác như tâm lý học lứa tuổi, bệnh học, dinh dưỡng và các môn học khác. Thông qua học phần này rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng thuyết trình và tư duy phản biện. Đồng thời hình thành kỹ năng hợp tác trong học tập và nghiên cứu.

#### 4.3.3. Tâm lý học

Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần cung cấp cơ sở tâm lý để hình thành tri thức, rèn luyện các kỹ năng, các giá trị, phẩm chất và phát triển năng lực nghề dạy học cho sinh viên, giúp sinh viên hoạt động có hiệu quả trong dạy học, giáo dục và tư vấn, hỗ trợ học sinh.

#### 4.3.4. Toán cơ sở

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non. Học phần Toán cơ sở được giảng dạy ở học kỳ 1 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức toán học cơ bản về lý thuyết tập hợp, logic toán, cấu trúc đại số mà cần thiết cho việc hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non.

#### 4.3.5. Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ mầm non

Học phần “Thiết kế đồ dùng, đồ chơi cho trẻ mầm non” thuộc kiến thức chuyên ngành, dùng cho sinh viên ngành đào tạo Giáo dục Mầm non. Học phần này có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo, là môn bắt buộc, giúp sinh viên sau khi ra trường có kiến thức, kỹ năng cơ bản để vận dụng và phục vụ vào quá trình công tác giáo dục trẻ mầm non.

Nội dung học phần này bao gồm những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về đồ dùng dạy học và làm đồ chơi cho trẻ: Các khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình và kỹ thuật làm Đồ dùng, Đồ chơi học tập, phản ánh sinh hoạt, sân khấu, âm nhạc, trang trí, hài hước, xây dựng, Bồi giấy theo khuôn và Phương pháp thiết kế một số đồ dùng, đồ chơi theo chủ đề. Từ đó sinh viên thấy được vai trò quan trọng của môn học, biết vận dụng kiến thức, kỹ năng để tạo ra các sản phẩm đồ dùng, đồ chơi và đánh giá, thẩm định được các sản phẩm nhằm phục vụ cho việc dạy học, hướng dẫn trẻ làm đồ chơi, trẻ chơi và các hoạt động trang trí lớp, chủ đề, chủ điểm ở trường.

#### **4.3.6. Triết học Mác-Lenin**

#### **4.3.7. Giáo dục học**

Học phần *Giáo dục học* là học phần căn bản của Chương trình đào tạo Sư phạm. Học phần cung cấp những kiến thức nền về phương thức vận hành nhà trường, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực cơ bản của người giáo viên. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, được thiết kế những tiết dạy cùng đội nhóm, được tranh biện về những tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, Sao nhi đồng... Được thử thách, khám phá năng lực sư phạm của bản thân và được cố vấn để hoàn thiện những năng lực đó.

#### **4.3.8. Kinh tế chính trị Mác- Lenin**

#### **4.3.9. Tâm lý học giáo dục mầm non**

Học phần Tâm lý học giáo dục mầm non là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho chuyên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần Tâm lý học giáo dục mầm non cung cấp cho người học những kiến thức về đặc điểm, qui luật phát triển tâm lý trẻ em nảy sinh trong cuộc sống, trong dạy học, giáo dục; cơ sở tâm lý của quá trình dạy học, giáo dục trẻ em; những khó khăn tâm lý của trẻ em và vai trò của giáo viên trong tư vấn, trợ giúp cho trẻ em gặp khó khăn tâm lý; đặc trưng lao động sư phạm của người giáo viên mầm non; Qua đó người học có thể đánh giá, giải thích được một cách khoa học các hiện tượng tâm lý nảy sinh ở trẻ em trong cuộc sống và trong dạy học, giáo dục ở trường mầm non; vận dụng vào hoạt động tư vấn, trợ giúp, dạy học và giáo dục trẻ em; hình thành và phát triển các năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên mầm non.

#### **4.3.10. Tiếng Anh 1**

Học phần này dành cho sinh viên không chuyên ngữ trường Đại học Vinh sau khi đã qua được kì kiểm tra sát hạch đầu vào của nhà trường (bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ dành cho Việt Nam của Bộ GD & ĐT quy định (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu).

Học phần này người học được cung cấp một số kiến thức tiếng Anh cơ bản tổng quát, giúp họ rèn luyện các kỹ năng thực hành tiếng Anh nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc học phần sinh

viên sẽ có nền tảng kiến thức để tiếp tục học phần Ngoại ngữ II (Tiếng Anh).

#### **4.3.11. Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ mầm non**

Đây là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Giáo dục mầm non, theo tiếp cận CDIO. Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức: những vấn đề chung chăm sóc sức khỏe trẻ em, vệ sinh chăm sóc trẻ tại trường mầm non, phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch, một số chương trình y tế triển khai ở trường học, phòng chống các bệnh thường gặp ở trẻ, một số cấp cứu ban đầu ở trường học, thuốc dùng cho trẻ em. Ngoài ra, giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ ở trường mầm non. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### **4.3.12. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

#### **4.3.13. Dinh dưỡng học trẻ em**

Đây là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Giáo dục mầm non, theo tiếp cận CDIO. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về dinh dưỡng học trẻ em và phương pháp nuôi dưỡng trẻ em hợp lý từng độ tuổi, đồng thời trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp bảo vệ sức khỏe thông qua dinh dưỡng. Giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng và ý nghĩa của dinh dưỡng đối với sức khỏe con người nói chung và trẻ em nói riêng. Hình thành cho sinh viên tác phong làm việc nghiêm túc, kiên trì, chịu khó, ứng xử chuyên nghiệp, thương yêu, tôn trọng và đối xử công bằng đối với trẻ.

#### **4.3.14. Giáo dục học mầm non**

Giáo dục học mầm non là học phần giáo dục chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục mầm non. Học phần này có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non có trình độ đại học, là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non và là môn học cơ sở ngành, tiên quyết cho khối kiến thức chuyên ngành.

#### **4.3.15. Tiếng Anh 2**

Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ dành cho Việt Nam của Bộ GD & ĐT quy định (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu).

Qua học phần này sinh viên được cung cấp thêm một số vấn đề ngữ pháp cơ bản, được rèn luyện và củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để đạt tới cấp độ cơ bản. Sinh viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo hơn nhờ các kiến thức mở rộng hơn, nhất là từ vựng.

#### **4.3.16. Tự chọn 1**

##### **4.3.16.1. Đại cương Văn học Việt Nam**

##### **4.3.16.2. Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non**

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo

trình độ đại học ngành GDMN. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về trẻ khuyết tật ; Những vấn đề chung về can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non; Tổ chức giáo dục hòa nhập một số dạng tật thường gặp ở trẻ khuyết tật tuổi mầm non ; Công tác quản lý trường, lớp hòa nhập. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### *4.3.16.3. Giao tiếp sư phạm*

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non. Học phần “Giao tiếp sư phạm” nhằm cung cấp kiến thức cơ bản sau cho sinh viên ngành giáo dục mầm non những hiểu biết về lý luận giao tiếp, giao tiếp sư phạm và giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Từ việc hiểu biết về lý luận giao tiếp sư phạm, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản để hình thành năng lực nghề nghiệp tương lai.

#### *4.3.16.4. Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non*

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản của việc tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non như: Mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non; Trang bị kỹ năng và giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá việc tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### *4.3.16.5. Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm*

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về vấn đề “lấy trẻ làm trung tâm”; Trang bị kỹ năng và giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### **4.3.17. Âm nhạc**

Học phần Âm nhạc thuộc khối kiến thức bắt buộc của chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận và kỹ năng thực hành âm nhạc cơ bản gồm: nhạc lý, xướng âm, kỹ thuật ca hát, cách sử dụng đàn phím điện tử. Từ đó hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.

#### **4.3.18. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

#### **4.3.19. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1**

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non tiếp

cận CDIO. Học phần này hình thành và rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng kiến thức về tâm lý - giáo dục học, dinh dưỡng - bệnh học và phương pháp dạy học bộ môn vào quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc và giáo dục trẻ các độ tuổi ở trường mầm non. Nội dung của học phần gồm những vấn đề sau: thực hành hoạt lập kế hoạch quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tổ chức hoạt động vui chơi. Học xong học phần này, người học có khả năng thiết kế, thực hành và đánh giá các hoạt động quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ

#### **4.3.20. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ**

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO. Học phần này được học song hành với học phần Giáo dục học mầm non. Học phần “Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ” đề cập đến các vấn đề lý luận về hoạt động vui chơi, và cách thức tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non. Từ đó, giúp sinh viên biết cách lập kế hoạch và hướng dẫn trẻ chơi phù hợp với độ tuổi.

#### **4.3.21. Tự chọn 2**

##### *4.3.21.1. Lịch sử và địa lý địa phương*

##### *4.3.21.2. Phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến*

Học phần “Một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến” là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến như: phương pháp giáo dục sớm của Glane Domane, Phương pháp giáo dục Montessori, Phương pháp giáo dục STEAM. Từ đó giúp sinh viên biết phân tích, áp dụng linh hoạt các kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn hoạt động giáo dục mầm non.

##### *4.3.21.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*

Học phần “Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục mầm non tiếp cận CDIO. Học phần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và các giá trị cần thiết để vận dụng vào việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ.

##### *4.3.21.4. Xã hội hóa giáo dục*

##### *4.3.21.5. Xây dựng môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật*

Học phần xây dựng môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật là môn học thuộc khối kiến thức tự chọn trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy tiếp cận CDIO ngành Giáo dục mầm non. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, về lý luận xây dựng môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật, và các kỹ năng cần thiết, để tổ chức các hoạt ở trường mầm non giàu tính nghệ thuật, phù hợp với thực tiễn. Từ đó có kỹ năng phân tích áp dụng và tổ chức các hoạt động dạy học vào thực tiễn, đạt hiệu quả hơn.



#### **4.3.22. Ứng dụng ICT trong giáo dục**

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trang bị các kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên hệ Cử nhân Sư phạm. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng linh hoạt thích ứng trong thời đại kỹ nguyên số, sử dụng hiểu biết và các kỹ năng đó như là công cụ để học tập và nghiên cứu nội dung các môn học tiếp theo, ứng dụng hiệu quả kiến thức ICT trong công việc giảng dạy sau này.

#### **4.3.23. Đánh giá trong giáo dục**

- Đây là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề đánh giá trong giáo dục như mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá. Từ đó, giúp sinh viên biết áp dụng việc đánh giá vào trong giáo dục mầm non.

#### **4.3.24. Nghệ thuật tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non**

Học phần “*Nghệ thuật tạo hình và Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*” là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, dùng cho sinh viên ngành đào tạo Giáo dục mầm non, để sinh viên vận dụng vào quá trình dạy học môn Tạo hình cho trẻ mầm non.

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về Nghệ thuật tạo hình (Khái quát về NTTH, Luật xa gần - Giải phẫu tạo hình, Hình hoạ, Đồ hoạ - trang trí, Hội hoạ, Điều khắc...) và những kiến thức lý luận, kỹ năng cơ bản về: Vai trò, Đặc điểm, Nội dung, Phương pháp và hình thức tổ chức, PP tổ chức cho các hoạt động vẽ, nặn, xé, cắt dán cho trẻ. Từ đó sinh viên biết phân tích, lý giải được các vấn đề cơ bản và thấy được vai trò quan trọng của NTTH đối với việc phát triển toàn diện trong việc giáo dục tạo hình cho trẻ mầm non. Đồng thời SV được tham gia trải nghiệm các kỳ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Vận dụng kiến thức, kỹ năng, kỹ năng sư phạm để thiết kế, tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động tạo hình cho trẻ. Hình thành và phát triển các năng lực cần thiết để sau khi tốt nghiệp sinh viên tổ chức tốt hoạt động dạy tạo hình cho trẻ ở trường mầm non.

#### **4.3.25. Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non**

Học phần phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy, tiếp cận CDIO ngành Giáo dục mầm non. Học phần gồm 4 tín chỉ, trong đó 3 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành, học phần gồm có 4 chương. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận phương pháp dạy học âm nhạc, các kỹ năng tổ chức các hoạt động âm nhạc, giáo dục âm nhạc âm nhạc ở trường mầm non. Từ đó có kỹ năng phân tích áp dụng và tổ chức các hoạt động dạy học vào thực tiễn, đạt hiệu quả hơn.

#### **4.3.26. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

#### **4.3.27. Văn học và tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học**

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học.

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của văn học trẻ em; một số thể loại cơ bản của văn học dân gian có liên quan tới nhận thức của trẻ em; sự phát triển của văn học viết trẻ em Việt Nam; một số vấn đề về văn học trẻ em nước ngoài; trang bị kỹ năng và giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### **4.3.28. Môi trường và tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh**

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học.

Học phần này giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng cơ bản về Cơ sở Tự nhiên – Xã hội và Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### **4.3.29. Tiếng Việt và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ**

*Tiếng Việt và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục mầm non tiếp cận CDIO. Học phần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và các giá trị cần thiết để vận dụng vào việc tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Đồng thời là cơ sở giúp sinh viên học tiếp các học phần như: Phát triển chương trình Giáo dục mầm non, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2, và các học phần Tự chọn.

Học phần này trang bị những kiến thức lí luận về Tiếng Việt và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng: nói – viết tiếng Việt chuẩn mực, đồng thời vận dụng vào việc thiết kế mục tiêu, nội dung; lựa chọn và phối hợp linh hoạt các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; thiết kế và sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá kết quả học tập *trong quá trình tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ*. Ngoài ra, học phần sẽ giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp thích ứng với môi trường giáo dục.

#### **4.3.30. Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non**

Học phần “Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO.

Học phần này trang bị những kiến thức lí luận chung về Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng: thiết kế mục tiêu, nội dung, lựa chọn và phối hợp linh hoạt các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học, thiết kế và sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá kết quả học tập *khi tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ*. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên có ý thức tự trau

dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp thích ứng với môi trường văn hóa học đường và xã hội hiện đại.

#### **4.3.31. Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ**

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học.

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về việc hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non; trang bị kỹ năng và giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### **4.3.32. Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non**

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học.

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về việc giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non; trang bị kỹ năng và giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

#### **4.3.33. Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non**

Học phần “Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO.

Học phần “Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non” được tiến hành giảng dạy sau khi sinh viên đã học xong các môn âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc. Học phần “Múa và phương pháp dạy múa” trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lí luận múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non, hình thành ở họ vốn ngôn ngữ múa.

#### **4.3.34. Phát triển chương trình giáo dục**

Đây là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO.

Học phần “Phát triển chương trình giáo dục” nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn về phát triển chương trình giáo dục. Từ đó, hình thành cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phát triển chương trình. Đồng thời vận dụng những kiến thức, kỹ năng phát triển chương trình giáo dục mầm non.

#### **4.3.35. Quản lý cơ sở giáo dục**

Đây là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO. Học phần này cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn công tác quản lý cơ sở giáo dục gồm: Mục đích, ý

nghĩa công tác quản lý cơ sở giáo dục; Những nguyên tắc, phương pháp quản lý cơ sở giáo dục; Cơ cấu tổ chức - quản lý cơ sở giáo dục; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của cá nhân cách tham gia vào công tác quản lý cơ sở giáo dục; Từ đó, sinh viên biết áp dụng vào việc quản lý cơ sở giáo dục mầm non.

#### **4.3.36. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2**

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non tiếp cận CDIO. Học phần này giúp sinh viên vận dụng được kiến thức của 7 bộ môn phương pháp: *Phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh, phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học và phương pháp giáo dục thể chất, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ, phương pháp hình thành biểu tượng toán, phương pháp giáo dục âm nhạc, phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình* vào thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. Qua đó giúp sinh viên phát hiện ra các vấn đề trong hoạt động thực tiễn; hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức thực hiện và kỹ năng đánh giá các hoạt động giáo dục nhằm phát triển 5 lĩnh vực cho trẻ theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Qua đó giúp sinh viên được tiếp cận và thích ứng với thực tiễn giáo dục cho trẻ ở trường mầm non, góp phần giáo dục lòng yêu nghề, mến trẻ bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên.

#### **4.3.37. Tự chọn 3**

##### **4.3.37.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non**

Học phần “Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non” là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO.

Học phần này trang bị những kiến thức lí luận chung về Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non, qua đó người học rèn luyện được các kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, nhận diện và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động giúp sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế các các chỉ số *Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non*.

##### **4.3.37.2. Kiểm định chất lượng trong giáo dục mầm non**

Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học mầm non. Học phần kiểm định chất lượng giáo dục mầm non cung cấp cho người học những vấn đề lí luận cơ bản về kiểm định chất lượng trường mầm non, đánh giá mức độ đáp ứng của trường mầm non so với các tiêu chuẩn quy định, biện pháp duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với hoàn cảnh, sứ mạng và mục tiêu chất lượng của mỗi nhà trường; qua đó người học rèn luyện được các kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động đánh giá trường mầm non, hình thành năng lực kiểm định, cải tiến các hoạt động giáo dục mầm non.

##### **4.3.37.3. Lập kế hoạch trong giáo dục mầm non**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học mầm non theo tiếp cận CDIO. Học phần *Lập kế hoạch trong giáo dục mầm non* trang bị cho sinh viên

những vấn đề lý luận và thực tiễn về việc lập kế hoạch trong giáo dục mầm non, từ đó giúp sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế và đánh giá các hoạt động lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

#### **4.3.37.4. Tham vấn trong giáo dục mầm non**

Tham vấn trong giáo dục mầm non là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học mầm non theo tiếp cận CDIO. Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn về tham vấn trong giáo dục và giáo dục mầm non. Qua đó người học rèn luyện được các kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm về hoạt động tham vấn trong giáo dục mầm non.

#### **4.3.37.5. Ứng dụng phương tiện dạy học hiện đại trong giáo dục mầm non**

Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học mầm non theo tiếp cận CDIO. Học phần Ứng dụng phương tiện dạy học hiện đại trong giáo dục mầm non trang bị những kiến thức về phương pháp và kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng công cụ hỗ trợ bao gồm các phần mềm ứng dụng và các thiết bị dạy học hiện đại vào hoạt động giáo dục ở bậc mầm non, đồng thời giúp sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình trên công cụ đa phương tiện.

#### **4.3.38. Thực tập và Đồ án tốt nghiệp**

Đây là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành và là học phần cuối cùng của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non tiếp cận CDIO. Học phần này rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng kiến thức về tâm lý - giáo dục học, dinh dưỡng - bệnh học và phương pháp dạy học bộ môn vào quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc và giáo dục trẻ các độ tuổi ở trường mầm non. Nội dung của học phần gồm những vấn đề sau: thực hành hoạt lập kế hoạch quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tổ chức các hoạt giáo dục phát triển. Tham gia học phần này, người học có khả năng thiết kế, thực hành và đánh giá các hoạt động quản lý nhóm lớp, hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe và giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ. Các sản phẩm đồ án của sinh viên được dùng thay thế cho thi tốt nghiệp cuối khóa.

### **V. Ma trận các kỹ năng**

*(có bản Excel kèm theo)*

### **VI. Cách thức đánh giá kết quả học tập**

#### **6.1. Thang điểm đánh giá: 10**

Thực hiện theo Điều 5 của Quy chế 43/2007/QĐ - Bộ GDĐT ngày 15/8/2007.

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó chuyển sang thang điểm chữ.

#### **6.2. Quy định về cách thức đánh giá:**

##### **(1). Phương thức đánh giá quá trình học tập**

Đánh giá quá trình học tập của sinh viên được dựa trên hai yếu tố, gồm: Điểm chuyên cần, thái độ (*thể hiện qua thời lượng sinh viên tham dự giờ học trên lớp*) và bài tập theo quá trình (*thể hiện qua kết quả của hoạt động tự học ngoài giờ lên lớp*).

Cụ thể:

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ của học phần mới đủ điều kiện dự thi

- Sinh viên hoàn thành các bài tập do giảng viên giao nhiệm vụ (hoàn thành bài tập theo phương thức tự học) và nộp sản phẩm theo các hình thức sau:

a) Bài tập theo hình thức nhóm:

➤ *Đánh giá kết quả hoạt động nhóm*

Trong các giờ học có hoạt động thảo luận nhóm, mỗi nhóm sẽ được đánh giá kết quả bằng điểm số chung dựa trên những tiêu chí trong bảng sau:

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		A	B	C
	Nội dung thảo luận nhóm	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu, giàu tính sáng tạo, có sự liên hệ thực tế.	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu.	Nội dung cơ bản đúng với chủ đề được giao nhưng còn sơ sài, còn thiếu nhiều thông tin theo yêu cầu.
<i>Điểm tối đa: 5</i>		<i>5 điểm</i>	<i>3.0 điểm</i>	<i>2 điểm</i>
II	Sự tương tác giữa các nhóm	Có sự tương tác cao với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có nhiều ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Không có sự tương tác với các nhóm khác.
<i>Điểm tối đa: 3</i>		<i>3.0 điểm</i>	<i>2.0 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>
III	Thái độ và kỹ năng làm việc nhóm	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm, có trên 50% thành viên của nhóm có hoạt động tương tác cao với các nhóm khác.	Chỉ có 30 - 70% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm, có dưới 50% thành viên của nhóm có hoạt động tương tác với các nhóm khác.	Dưới 30% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm.
<i>Điểm tối đa: 2</i>		<i>2 điểm</i>	<i>1.5 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>

➤ *Đánh giá cá nhân trong nhóm*

Nhóm trưởng của mỗi nhóm sẽ đánh giá và cho điểm từng cá nhân dựa trên mức độ tham gia và đóng góp vào hoạt động nhóm. Trung bình cộng điểm của các thành viên bằng số điểm

chung của nhóm do GV đánh giá. Điểm đánh giá hồ sơ học phần ở nội dung này của mỗi SV được tính bằng con điểm trung bình cộng của tất cả những lần có bài tập/ báo cáo nhóm.

**Ví dụ:** Nhóm 1 có 6 thành viên, điểm đánh giá chung của nhóm là 8 điểm. Thành viên A trong nhóm có nhiều đóng góp nổi bật hơn, được nhóm trưởng đánh giá 9 điểm, thành viên B tham gia vào hoạt động nhóm còn ít, được đánh giá 7 điểm, các thành viên còn lại đều đạt điểm 8. Trung bình cộng điểm của cả nhóm vẫn là 8 điểm.

Qua 5 lần có bài tập/ báo cáo nhóm trong các hoạt động trên lớp, sinh viên A có số điểm lần lượt là 9, 8, 8, 7, 8. Như vậy, điểm đánh giá hồ sơ học phần của sinh viên A sẽ là 8 điểm,

b) Báo cáo viết và báo cáo thuyết trình nhóm

Nội dung này được dùng để đánh giá bài tập nhóm thuộc nội dung chuẩn đầu ra G3.2. Cách thức cho điểm các thành viên trong nhóm cũng tương tự như ở hoạt động nhóm trên lớp. Điểm ở nội dung này được tính trọng số là 10%.

*Điểm đánh giá quá trình học tập được tính bằng 30% tổng số điểm của học phần.*

### **(3). Đánh giá giữa kỳ**

Bài kiểm tra giữa kỳ thường tiến hành vào tuần 7-8 của học kỳ tổ chức. Với nội dung mỗi bài tương ứng theo nội dung đánh giá định kỳ. Đối với các học phần có số tín chỉ 02 hoặc 03 có 01 bài kiểm tra; đối với các học phần có số tín chỉ 04 hoặc 05 có 02 bài kiểm tra. Bài kiểm tra gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm, thời gian làm bài là 35 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

*Điểm số bài kiểm tra được tính trọng số là 20%.*

### **(4). Đánh giá cuối kỳ**

- Hình thức thứ nhất: Tự luận

Bài thi tự luận đánh giá kết quả cuối kỳ sẽ có trong Ngân hàng câu hỏi, thời gian làm bài là tùy thuộc vào số tín chỉ của học phần. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc chuyển từ điểm số sang điểm chữ được thực hiện tự động trên phần mềm quản lý điểm.

- Hình thức thứ hai: Trắc nghiệm khách quan

Bài kiểm tra trắc nghiệm có 40 câu hỏi đối với học phần 2 tín chỉ, 50 câu đối với học phần 3 tín chỉ và 60 câu đối với học phần 4 tín chỉ trở lên, thời gian làm bài là 50 phút đối với học phần 2 tín chỉ, 60 phút đối với học phần 3 tín chỉ và 70 phút đối với học phần 4 tín chỉ trở lên. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Hình thức thứ ba: Đồ án/ dự án

Hình thức này được triển khai đối với các học phần dạy học theo đồ án/ dự án. Mỗi nhóm sinh viên làm đồ án từ 08-12 sinh viên. Các sản phẩm đồ án được bóc thăm theo các chủ đề khác nhau.

- Hình thức thứ tư: Thực hành/ vấn đáp

Đối với các học phần thi thực hành trên máy tính: 60 phút đối với các học phần dưới 4 tín chỉ; 75 phút đối với các học phần 4 tín chỉ trở lên.

Đối với thi vấn đáp: sinh viên trả lời từ 7 đến 12 phút.

*Điểm đánh giá cuối kỳ được tính trọng số là 50%.*



**VII. Điều kiện thực hiện chương trình****7.1. Đội ngũ giảng viên**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Trần Thị Hoàng Yến Trưởng Khoa GDMN		TS, Việt nam, 2014	Ngữ văn	3 học phần 10 tín chỉ
2.	Phạm Thị Hải Châu Trợ lý đào tạo Khoa GDMN		TS, Việt Nam, 2021	Toán học	3 học phần, 10 tín chỉ
3.	Phan Huy Hà		Ths, Việt Nam, 2020	Giáo dục học (bậc Mầm non)	2 học phần, 7 tín chỉ
4.	Nguyễn Thị Thu Hạnh Cố vấn học tập, chủ tịch công đoàn, Ủy viên chi ủy Khoa GDMN		TS, Việt Nam, 2021	Giáo dục học (bậc Mầm non)	3 học phần, 10 tín chỉ
5.	Phạm Thị Huyền Trưởng Bộ môn		TS, Việt Nam, 2019	Giáo dục học (bậc Mầm non)	3 học phần, 10 tín chỉ
6.	Trần Thị Thúy Nga Trợ lý đào tạo Khoa GDMN		Ths, Việt Nam, 2004	Giáo dục học (bậc Mầm non)	3 học phần, 9 tín chỉ
7.	Nguyễn Thị Kỳ		Ths, Việt Nam, 2017	Sinh học thực nghiệm	2 học phần, 8 tín chỉ
8.	Lê Công Phượng		Đại học, Việt Nam	Bác sĩ Y khoa	2 học phần, 8 tín chỉ
9.	Phan Thị Quỳnh Trang Bí thư Đoàn trường Sư phạm		Ths, Việt Nam, 2020	Giáo dục học (bậc Mầm non)	2 học phần, 8 tín chỉ
10.	Võ Trọng Vinh		Ths, Việt Nam, 2013	Quản lí Giáo dục	3 học phần, 10 tín chỉ
11.	Dương Thị Thanh Thanh Trưởng bộ môn TLH		TS, Việt Nam, 2014	Tâm lý học	2 học phần, 9 tín chỉ

12.	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		TS, Việt Nam 2020	Giáo dục học	3 học phần, 7 tín chỉ
13.	Nguyễn Thị Nhân		TS, Việt Nam 2018	Giáo dục học	1 học phần. 4 tín chỉ
14.	Nguyễn Trung Kiên		Ths, Việt Nam, 1996	Giáo dục học	1 học phần, 4 tín chỉ
15.	Lê Thục Anh Chủ tịch công đoàn Khoa TL-GD		TS, Việt Nam, 2015	Tâm lý học	1 học phần, 4 tín chỉ
16.	Phạm Lê Cường Phó Hiệu trưởng Trường Sư phạm		TS, Việt Nam, 2016	Quản lý Giáo dục	4 học phần, 10 tín chỉ
17.	Nguyễn Như An Phó trưởng khoa TL-GD	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	4 học phần, 10 tín chỉ
18.	Nguyễn Thị Thu Hằng		TS, Việt Nam, 2018	Quản lý Giáo dục	4 học phần, 10 tín chỉ
19.	Bùi Văn Hùng		TS, Việt Nam, 2016	Giáo dục học	4 học phần, 10 tín chỉ
20.	Dương Thị Linh		Ths, Việt Nam	Tâm lý học	3 học phần, 11 tín chỉ
21.	Nguyễn Thị Hằng Ly		TS. Việt Nam, 2019	Tâm lý học	3 học phần, 10 tín chỉ
22.	Nguyễn Ngọc Hiền Chủ tịch HĐ trường		TS, Hàn Quốc, 2007	Bác sĩ Y khoa	2 học phần, 8 tín chỉ
23.	Nguyễn Thị Thanh Giang		Ths, Việt Nam, 2015	Giáo dục học	2 học phần, 7 tín chỉ
24.	Thái Mạnh Thủy		Ths, Việt Nam, 2015	Giáo dục học	2 học phần, 7 tín chỉ

25.	Phan Xuân Phôn		TS, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ học	2 học phần, 7 tín chỉ
26.	Chế Thị Hải Linh		TS, Việt Nam, 2014	Quản lý Giáo dục	1 học phần, 2 tín chỉ
27.	Nguyễn Việt Phương		Ths, Việt Nam, 2013	Quản lý Giáo dục	2 học phần, 4 tín chỉ
28.	Phạm Minh Hùng	PGS, 2002	TS, Việt Nam	Giáo dục học	2 học phần, 4 tín chỉ
29.	Nguyễn Thị Châu Giang Phó Trưởng khoa GDTH		TS, Việt Nam 2012	Giáo dục học	1 học phần, 3 tín chỉ

## 7.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (dùng chung toàn trường)
- Phòng thực hành Đoàn organ; Phòng thực hành Mỹ thuật; Phòng thực hành Dinh dưỡng-Bệnh học.
- Trường Thực hành sư phạm Đại học Vinh là cơ sở chính để sinh viên ngành Giáo dục mầm non được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm
- Ký túc xá (dùng chung toàn trường)
- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao... (dùng chung toàn trường).

## VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Đây là chương trình khung, trình bày vắn tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

- Bố cục chương trình khoa học, bao gồm kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.
- Dựa vào chương trình, các bộ môn lập kế hoạch, phân công biên soạn đề cương học phần chi tiết, bám sát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần.
- Hằng năm Hội đồng khoa học khoa sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung chương trình sao cho phù hợp với mục tiêu đào tạo.
- Chương trình này do Hội đồng khoa học - đào tạo Trường Sư phạm và khoa Giáo dục mầm non thẩm định và thông qua. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy sẽ điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tiễn giáo dục mầm non trong nước và quốc tế.

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**